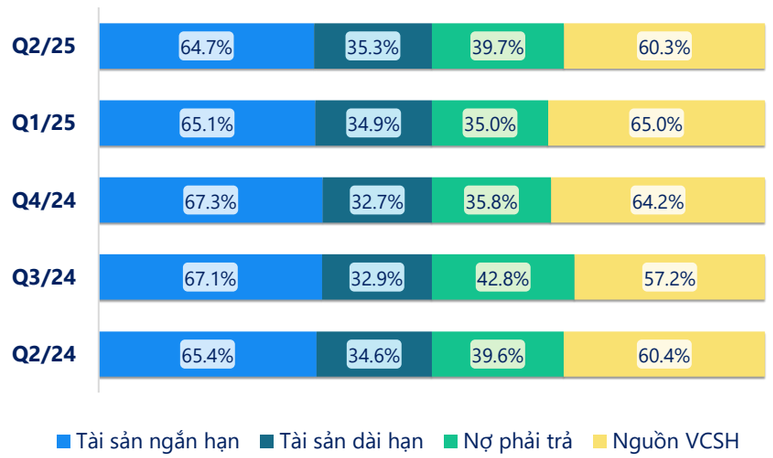
FireAnt

CTCP Xi măng La Hiên VVMI (HNX: CLH)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	20,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,568
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,725
% sở hữu nước ngoài	5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	246
P/E	5.8
EPS	3,510

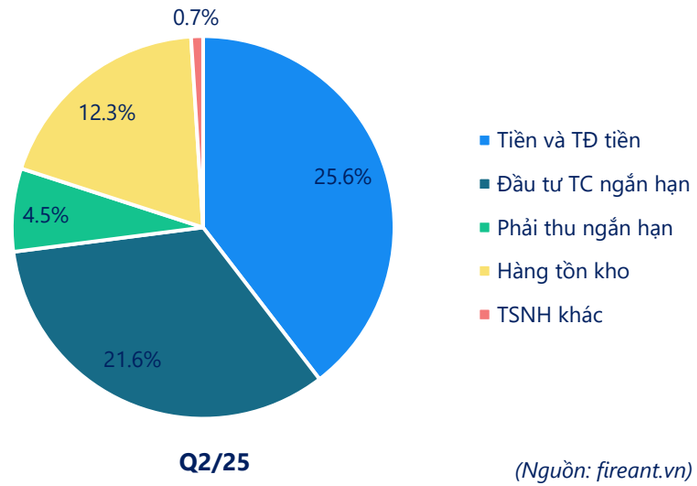
	YTD	1T	3T	6T
CLH	-3.3%	0.0%	-5.3%	4.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



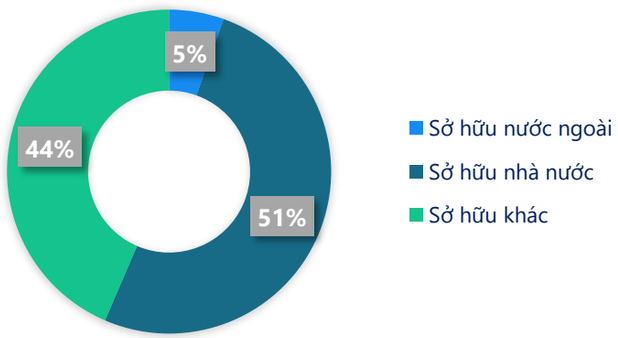
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



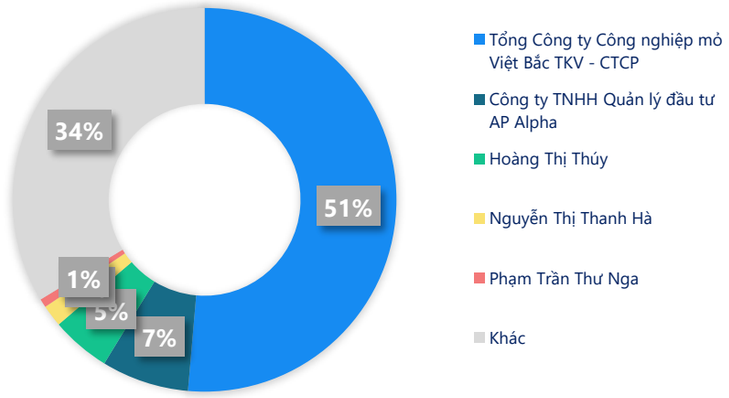
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



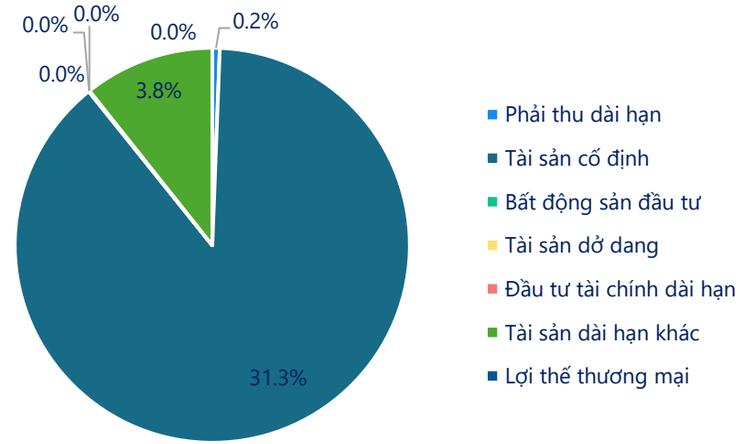
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

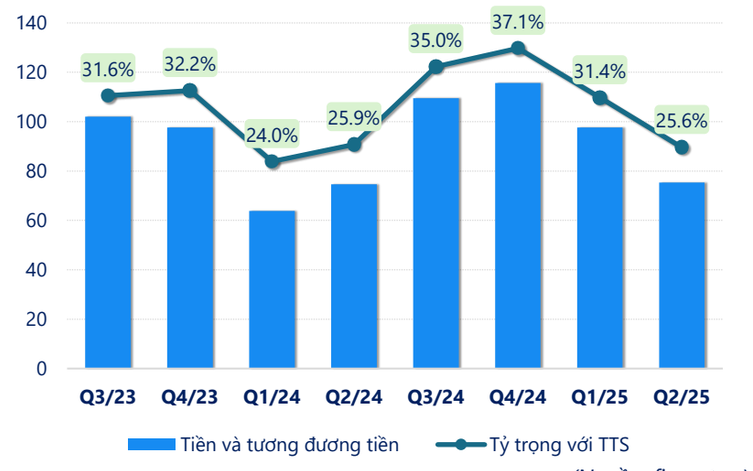


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

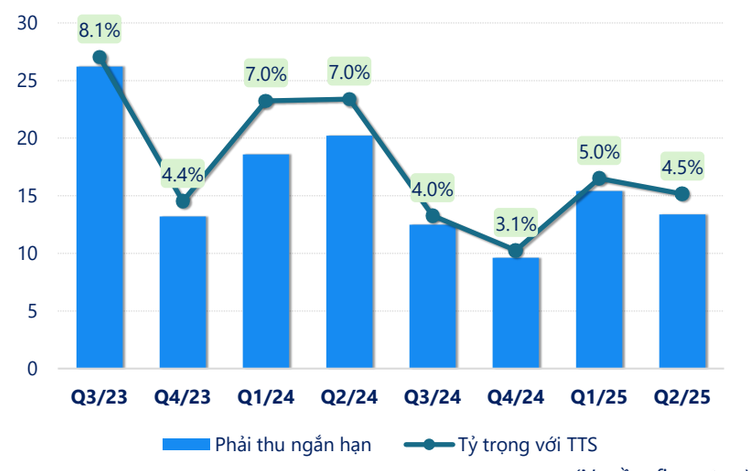
CTCP Xi măng La Hiên VVMI (HNX: CLH)

Tiền và tương đương tiền



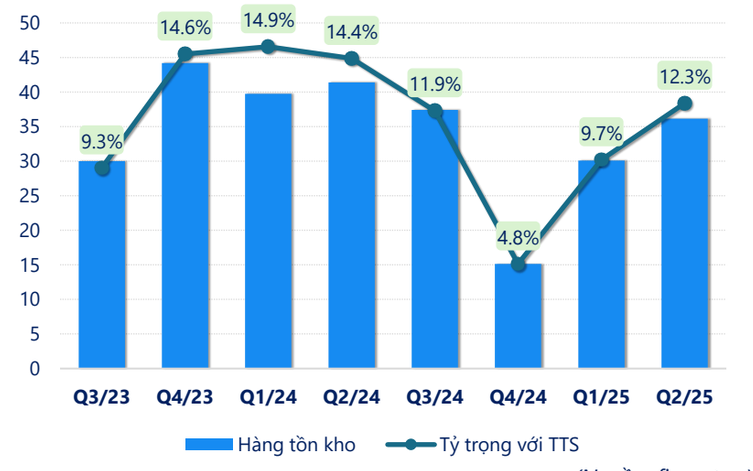
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



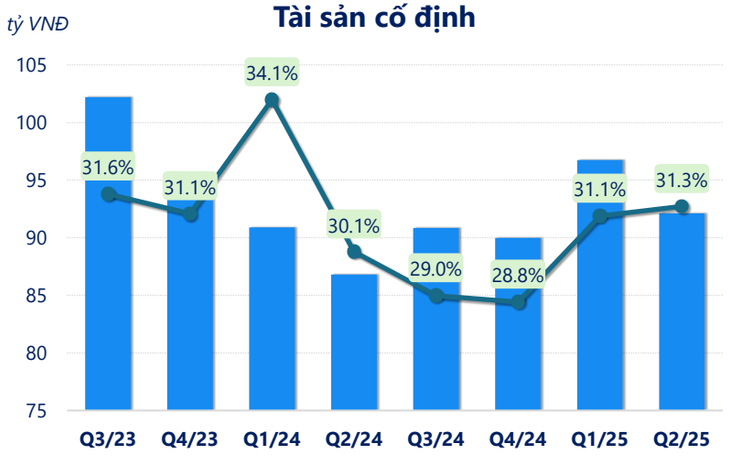
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



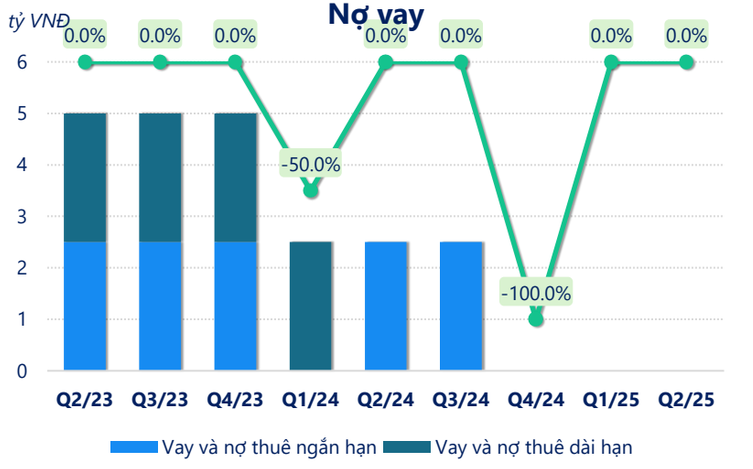
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



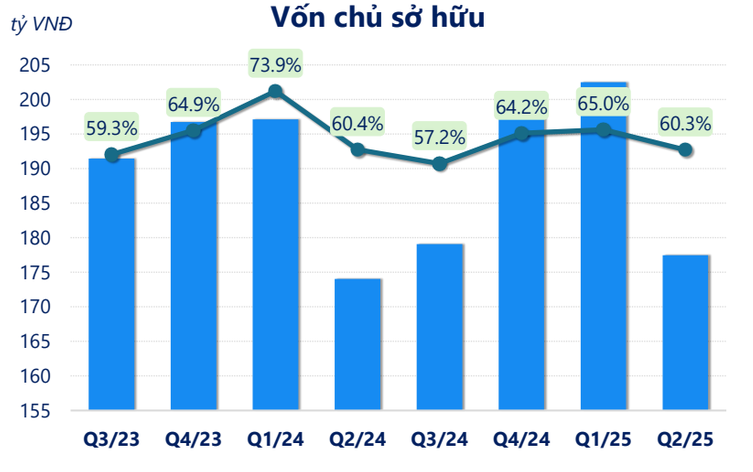
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

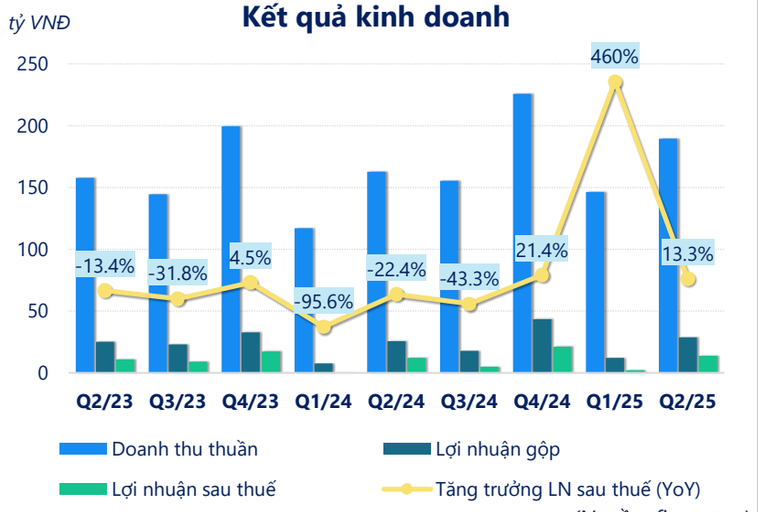


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

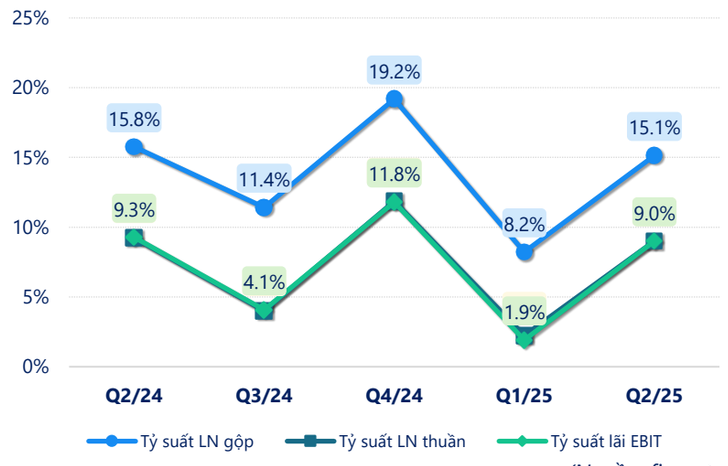
CTCP Xi măng La Hiên VVMI (HNX: CLH)

Kết quả kinh doanh



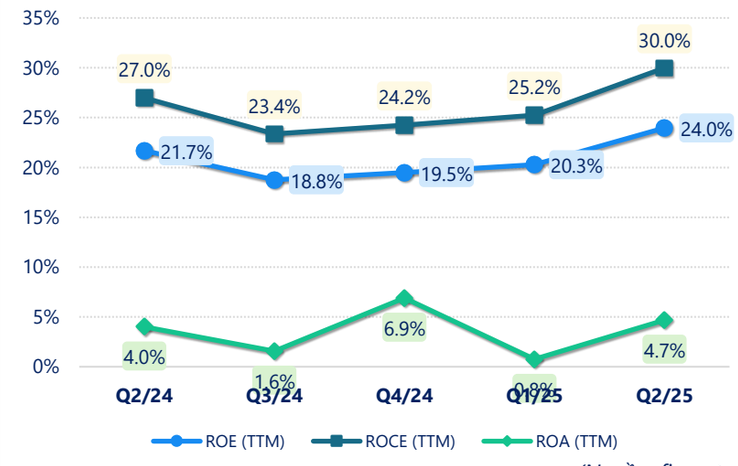
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



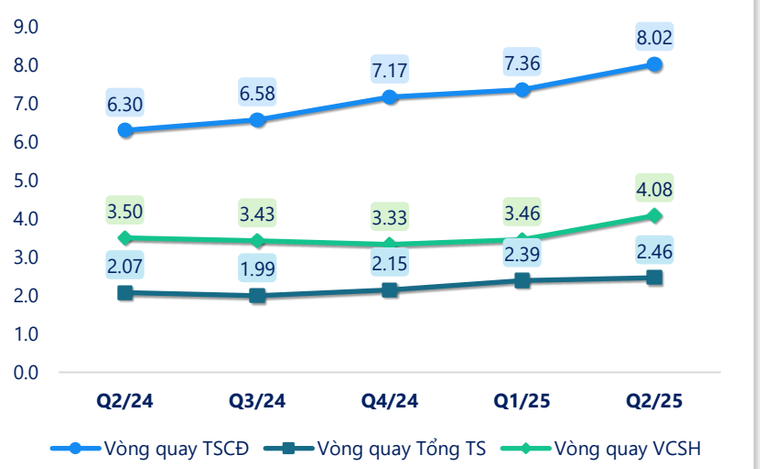
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



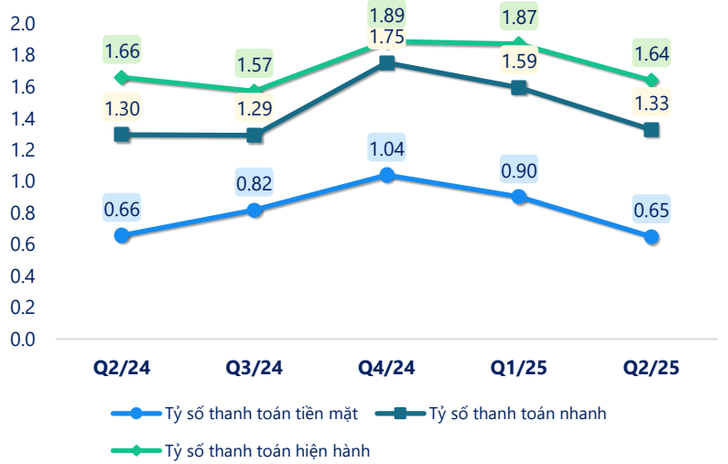
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



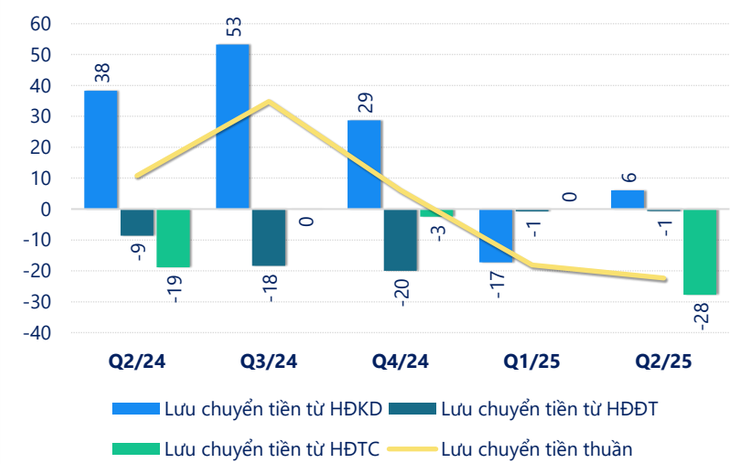
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Xi măng La Hiên VVMI (HNX: CLH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**294**	**312**	**-5.8%**
Tài sản ngắn hạn	190	210	-9.4%
Tiền và tương đương tiền	75.3	116	-34.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.5	69.5	-8.6%
Phải thu ngắn hạn	13.4	9.61	39.1%
Hàng tồn kho	36.1	15.1	139%
Tài sản ngắn hạn khác	1.92	0.08	2372%
Tài sản dài hạn	**104**	**102**	**1.8%**
Phải thu dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Tài sản cố định	92.1	90.0	2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.1**	**11.5**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	117	112	4.3%
Nợ ngắn hạn	**116**	**111**	**4.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	31.4	42.6	-26.1%
Nợ dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**177**	**200**	**-11.4%**
Vốn chủ sở hữu	**177**	**200**	**-11.4%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	163	155	226	146	190
Giá vốn hàng bán	137	138	183	134	161
Lợi nhuận gộp	25.7	17.8	43.3	12.0	28.7
Doanh thu HĐTC	1.43	0.26	2.69	0.32	2.81
Chi phí TC	0.04	0.04	0.04	0	0
Chi phí lãi vay	0.02	0.02	0.01	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.65	2.73	5.60	1.95	5.15
Chi phí QLDN	9.34	9.02	13.6	7.14	9.27
LN thuần từ HĐKD	15.1	6.23	26.8	3.28	17.1
Lợi nhuận khác	0.03	0.08	-0.15	-0.48	0.00
LN trước thuế	15.1	6.31	26.6	2.81	17.1
Lợi nhuận sau thuế	12.1	5.04	21.2	2.19	13.7
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	5.04	21.2	2.19	13.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	38.3	53.2	28.7	-17.3	6.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.58	-18.4	-20.0	-0.80	-0.65
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.9	0.00	-2.50	0	-27.8
Tiền đầu kỳ	63.9	74.7	110	116	97.6
Lưu chuyển tiền thuần	**10.8**	**34.8**	**6.20**	**-18.1**	**-22.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	74.7	110	116	97.6	75.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic